# ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HV ngày / /2024 của Giám đốc Học viện)

## THÔNG TIN CHUNG

### Tên cơ sở đào tạo là HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

### Mã trường là BVH và BVS

### Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và cơ sở đào tạo)

1. TRỤ SỞ CHÍNH tại 122 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

2. CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (BVH) tại Km 10 Đường Nguyễn Trãi, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội

3. CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (BVS) tại Số 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

### Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo

1. Cổng thông tin điện tử: https://ptit.edu.vn

2. Cổng thông tin đào tạo: https://daotao.ptit.edu.vn

3. Cổng thông tin tuyển sinh: https://tuyensinh.ptit.edu.vn

### Địa chỉ các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh)

1. Trang fanpage tuyển sinh: https://facebook.com/ptittuyensinh

2. Trang fanpage Học viện: https://facebook.com/HocvienPTIT

3. Trang Zalo: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (ID 1260203497642986925)

### Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

1. CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA BẮC (BVH) có ĐT: (024) 33528122, (024) 33512252

2. CƠ SỞ ĐÀO TẠO PHÍA NAM (BVS) có ĐT: (028) 38297220; Fax: (028) 39105510

### Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Đường link công khai việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp trên trang thông tin điện tử của Học viện:

https://portal.ptit.edu.vn/bao-cao-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-tot-nghiep- 2022-khao-sat-nam-2023-cua-hoc-vien-cong-nghe-buu-chinh-vien-thong/

Kết quả khảo sát sinh viên có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp được xác định theo từng ngành, lĩnh vực đào tạo, được khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh, đối tượng khảo sát là sinh viên đã tốt nghiệp ở năm trước cách năm tuyển sinh một năm.

#### Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm tại cơ sở đào tạo phía Bắc (BVH)

1. Quản trị kinh doanh là 81.30%

2. Marketing là 95.65%

3. Kế toán là 92.45%

4. Thương mại điện tử là 87.32%

5. Công nghệ thông tin là 94.50%

6. An toàn thông tin là 96.53%

7. Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử là 92.75%

8. Kỹ thuật Điện tử viễn thông là 91.32%

9. Truyền thông đa phương tiện là 92.86%

10. Công nghệ đa phương tiện là 89.70%

#### Tỉ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm tại cơ sở đào tạo phía Nam (BVS)

1. Quản trị kinh doanh là 85.29%

2. Marketing là 88.89%

3. Kế toán là 85.45%

4. Công nghệ thông tin là 88.24%

5. An toàn thông tin là 88.46%

6. Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử là 89.47%

7. Kỹ thuật Điện tử viễn thông là 84.48%

8. Truyền thông đa phương tiện là 89.80%

9. Công nghệ đa phương tiện là 89.80%

### Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

Đường link công khai thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất trên trang thông tin điện tử của Học viện: https://tuyensinh.ptit.edu.vn.

#### Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Năm 2022, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sử dụng 04 phương thức tuyển sinh để thực hiện xét tuyển vào đại học hệ chính quy. Gồm có: (1) Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển,

(2) Xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2022, (3) Xét tuyển kết hợp giữa một trong các loại Chứng chỉ quốc tế hoặc Thành tích cá nhân trong các kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc Thành tích học tập tại các trường THPT chuyên với kết quả học tập ở bậc THPT và (4) Xét tuyển dựa vào kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

Năm 2023, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sử dụng 04 phương thức tuyển sinh để thực hiện xét tuyển vào đại học hệ chính quy. Gồm có: (1) Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển,

(2) Xét tuyển dựa vào kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2023, (3) Xét tuyển kết hợp giữa một trong các loại Chứng chỉ quốc tế hoặc Thành tích cá nhân trong các kỳ thi tuyển chọn học sinh giỏi hoặc Thành tích học tập tại các trường THPT chuyên với kết quả học tập ở bậc THPT và (4) Xét tuyển dựa vào kết quả các kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

#### 8.2. Điểm trúng tuyển thi THPT năm 2023

Điểm trúng tuyển 2023 Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (PTIT) THÔNG BÁO ĐIỂM TRÚNG TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN DỰA VÀO KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP

1. năm 2023 Điểm trúng tuyển Công nghệ thông tin là 25.1 tại Cơ sở Phía Nam (mã BVS)

1. năm 2023 Điểm trúng tuyển Công nghệ thông tin là 26.59 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

2. năm 2023 Điểm trúng tuyển Công nghệ thông tin (chất lượng cao) là 25.38 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

3. năm 2023 Điểm trúng tuyển Cử nhân Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng là 23.76 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

4. năm 2023 Điểm trúng tuyển An toàn thông tin là 26.04 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

4. năm 2023 Điểm trúng tuyển An toàn thông tin là 24.44 tại Cơ sở Phía Nam (mã BVS)

5. năm 2023 Điểm trúng tuyển Khoa học máy tính là 26.55 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

6. năm 2023 Điểm trúng tuyển Kỹ thuật Điện tử viễn thông là 25.68 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

6. năm 2023 Điểm trúng tuyển Kỹ thuật Điện tử viễn thông là 21.9 tại Cơ sở Phía Nam (mã BVS)

7. năm 2023 Điểm trúng tuyển Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa là 25.4 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

7. năm 2023 Điểm trúng tuyển Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa là 18.0 tại Cơ sở Phía Nam (mã BVS)

8. năm 2023 Điểm trúng tuyển Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử là 25.01 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

8. năm 2023 Điểm trúng tuyển Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử là 18.15 tại Cơ sở Phía Nam (mã BVS)

9. năm 2023 Điểm trúng tuyển Công nghệ Internet vạn vật là 21.7 tại Cơ sở Phía Nam (mã BVS)

10. năm 2023 Điểm trúng tuyển Công nghệ đa phương tiện là 25.89 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

10. năm 2023 Điểm trúng tuyển Công nghệ đa phương tiện là 24.05 tại Cơ sở Phía Nam (mã BVS)

11. năm 2023 Điểm trúng tuyển Truyền thông đa phương tiện là 26.33 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

12. năm 2023 Điểm trúng tuyển Báo chí là 25.36 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

13. năm 2023 Điểm trúng tuyển Quản trị kinh doanh là 25.15 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

13. năm 2023 Điểm trúng tuyển Quản trị kinh doanh là 22.8 tại Cơ sở Phía Nam (mã BVS)

14. năm 2023 Điểm trúng tuyển Thương mại điện tử là 26.2 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

15. năm 2023 Điểm trúng tuyển Marketing là 25.8 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

15. năm 2023 Điểm trúng tuyển Marketing là 24.1 tại Cơ sở Phía Nam (mã BVS)

16. năm 2023 Điểm trúng tuyển Kế toán là 25.05 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

16. năm 2023 Điểm trúng tuyển Kế toán là 20.0 tại Cơ sở Phía Nam (mã BVS)

17. năm 2023 Điểm trúng tuyển Công nghệ tài chính (Fintech) là 25.35 tại Cơ sở Phía Bắc (mã BVH)

### Thông tin danh mục ngành đào tạo

Đường link công khai danh mục ngành đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện: https://tuyensinh.ptit.edu.vn

Danh sách các ngành của học viện gồm 20 ngành sau:

1. ngành Công nghệ thông tin, mã ngành 7480201, tổ hợp xét tuyển A00, A01

2. ngành Cử nhân Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng, mã ngành 7480201\_UDU, tổ hợp xét tuyển A00, A01

3. ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (CT Kỹ thuật dữ liệu), mã ngành 7480102, tổ hợp xét tuyển A00, A01

4. ngành Khoa học máy tính (định hướng Khoa học dữ liệu), mã ngành 7480101, tổ hợp xét tuyển A00, A01

5. ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông, mã ngành 7520207, tổ hợp xét tuyển A00, A01

6. ngành Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử, mã ngành 7510301, tổ hợp xét tuyển A00, A01

7. ngành Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa, mã ngành 7520216, tổ hợp xét tuyển A00, A01

8. ngành Công nghệ Inernet vạn vật (IoT), mã ngành 7520208, tổ hợp xét tuyển A00, A01

9. ngành An toàn thông tin, mã ngành 7480202, tổ hợp xét tuyển A00, A01

10. ngành Công nghệ đa phương tiện, mã ngành 7329001, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

11. ngành Truyền thông đa phương tiện, mã ngành 7320104, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

12. ngành Báo chí, mã ngành 7320101, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

13. ngành Quản trị kinh doanh, mã ngành 7340101, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

14. ngành Thương mại điện tử, mã ngành 7340122, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

15. ngành Marketing, mã ngành 7340115, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

16. ngành Kế toán, mã ngành 7340301, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

17. ngành Công nghệ tài chính (Fintech), mã ngành 7340205, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

18. ngành Công nghệ thông tin\_CLC, mã ngành 7480201\_CLC, tổ hợp xét tuyển A00, A01

19. ngành Marketing\_CLC, mã ngành 7340115\_CLC, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

20. ngành Kế toán\_CLC (chuẩn quốc tế ACCA), mã ngành 7340301\_CLC, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

Danh sách các ngành tổ hợp xét tuyển A00, A01 gồm:

- Công nghệ thông tin

- Cử nhân Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng

- An toàn thông tin

- Khoa học máy tính (định hướng Khoa học dữ liệu)

- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (CT Kỹ thuật dữ liệu)

- Kỹ thuật Điện tử viễn thông

- Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa

- Công nghệ Kỹ thuật Điện

- điện tử

- Công nghệ Inernet vạn vật

Danh sách các ngành tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01 gồm:

- Công nghệ đa phương tiện

- Truyền thông đa phương tiện

- Báo chí

- Quản trị kinh doanh

- Thương mại điện tử

- Marketing

- Kế toán

- Công nghệ tài chính (Fintech)

- Marketing\_CLC

- Kế toán\_CLC (chuẩn quốc tế ACCA)

- Công nghệ thông tin\_CLC

### Điều kiện bảo đảm chất lượng (Mẫu số 03)

#### Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của Học viện

Đường link công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng trên trang thông tin điện tử của Học viện: https://tuyensinh.ptit.edu.vn

#### Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Học viện

Đường link công khai Đề án tuyển sinh trên trang thông tin điện tử của Học viện: https://tuyensinh.ptit.edu.vn

#### Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện

Đường link công khai Quy chế tuyển sinh của cơ sở đào tạo trên trang thông tin điện tử của Học viện: https://daotao.ptit.edu.vn

## TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY

### Tuyển sinh đại học chính quy

#### Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

##### Quy định chung

Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức) là các thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương hoặc đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;

Đáp ứng các điều kiện khác theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

##### Đối với Phương thức 1 - Xét tuyển tài năng

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện như sau:

(1) Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: thí sinh là thành viên đội tuyển Olympic quốc tế hoặc đoạt giải Quốc gia, Quốc tế theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện (có thông báo chi tiết riêng).

(2) Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực: thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây:

Thí sinh đoạt giải Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đã tham gia kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc đoạt giải Nhất, Nhì, Ba, Khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương (TW) các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (nếu chưa có kết quả năm học lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

Là học sinh chuyên các môn Toán, Lý, Hóa, Tin học của trường THPT chuyên trên phạm vi toàn quốc (các trường THPT chuyên thuộc Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW và các trường THPT chuyên thuộc Cơ sở giáo dục đại học) hoặc hệ chuyên thuộc các trường THPT trọng điểm quốc gia; Và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (nếu chưa có kết quả năm học lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

##### Đối với Phương thức 2 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh phải tham dự kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 với các bài thi/môn thi theo tổ hợp xét tuyển tương ứng các ngành của Học viện.

##### Đối với Phương thức 3 - Xét tuyển kết hợp

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây:

Thí sinh có Chứng chỉ quốc tế SAT, trong thời hạn 02 năm (tính đến ngày xét tuyển) từ 1130/1600 trở lên hoặc ACT từ 25/36 trở lên; và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (nếu chưa có kết quả năm học lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên;

Thí sinh có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày xét tuyển) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 65 trở lên hoặc TOEFL ITP 513 trở lên; và có kết quả điểm trung bình chung học tập lớp 10, 11, 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (nếu chưa có kết quả năm học lớp 12) đạt từ 7,5 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên.

##### e. Đối với Phương thức 4 - Xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực (ĐGNL) hoặc đánh giá tư duy (ĐGTD)

Ngoài các yêu cầu theo quy định chung ở mục a) thì thí sinh cần có thêm một trong các điều kiện sau đây:

Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội (HSA) năm 2024 từ 75 điểm trở lên;

Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh (APT) năm 2024 từ 600 điểm trở lên;

Thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội (TSA) năm 2024 từ 50 điểm trở lên.

#### Phạm vi tuyển sinh (Địa lý)

Học viện tuyển sinh trên phạm vi cả nước (thí sinh đăng ký xét tuyển vào Cơ sở đào tạo nào thì sẽ theo học tại Cơ sở đó – BVH hoặc BVS).

#### Phương thức tuyển sinh

Năm 2024, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông sử dụng 04 phương thức tuyển sinh như sau:

a) Phương thức 1: Xét tuyển tài năng

Xét tuyển tài năng gồm có:

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đối với các thí sinh là thành viên đội tuyển Olympic quốc tế hoặc đoạt giải Quốc gia, Quốc tế theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện (có thông báo chi tiết riêng).

Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực đối với các thí sinh có Thành tích đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT cấp quốc gia (giải Khuyến khích), cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW (Nhất, Nhì, Ba và Khuyến khích), thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển hoặc là học sinh tại các trường THPT chuyên (điều kiện cụ thể tại điểm b mục 1.2 về Đối tượng tuyển sinh).

b) Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

c) Phương thức 3: Xét tuyển kết hợp

Xét tuyển kết hợp giữa một trong các loại Chứng chỉ quốc tế (Chứng chỉ SAT/ACT) hoặc Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (Chứng chỉ IELTS, TOEFL) với kết quả học tập ở bậc THPT (điều kiện cụ thể tại điểm d mục 1.2 về Đối tượng tuyển sinh).

d) Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả trong các kỳ thi đánh giá năng lực (ĐGNL), đánh giá tư duy (ĐGTD) của các đơn vị: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh và Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức (điều kiện cụ thể tại điểm e mục 1.2 về Đối tượng tuyển sinh)

#### Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024

##### Chỉ tiêu tuyển sinh theo các Phương thức xét tuyển

1.Xét tuyển tài năng, chỉ tiêu (dự kiến) 10 %, ghi chú tuyển thẳng theo quy chế Bộ GD&ĐT không giới hạn chỉ tiêu

2.Xét tuyển dựa vào kết quả đgnl, đgtd, chỉ tiêu (dự kiến) 15%

3.Xét tuyển kết hợp, chỉ tiêu (dự kiến) 25%

4. Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024, chỉ tiêu (dự kiến) 50%

##### Chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành và các cơ sở đào tạo

Chỉ tiêu tuyển sinh Học viện Bưu chính Viễn thông năm 2024

Chỉ tiêu tuyển sinh 2024 của Học viện Bưu chính Viễn thông

Tổng chỉ tiêu tuyển sinh 2024 là 5.060 cho cả 2 cơ sở đào tạo tại Hà Nội và Tp. HCM, trong đó chỉ tiêu tuyển sinh của 02 Cơ sở đào tạo như sau:

1. Chỉ tiêu tuyển sinh tại cơ sở phía Bắc (Mã trường: BVH) tổng chỉ tiêu 3900 gồm 420 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 1950 chỉ tiêu thi THPT (Trung học phổ thông), 965 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp (XTKH), 565 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy (ĐGNL, ĐGTD).

2. Chỉ tiêu tuyển sinh tại cơ sở phía Nam (Mã trường: BVS) tổng chỉ tiêu 1160 gồm 120 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 575 chỉ tiêu thi THPT (Trung học phổ thông), 280 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp (XTKH), 185 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy (ĐGNL, ĐGTD).

Chi tiết chỉ tiêu tuyển sinh các ngành/nhóm ngành tại các cơ sở theo từng phương thức xét tuyển như sau:

1. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7520207) là 345 gồm 45 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 195 chỉ tiêu thi THPT, 55 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 55 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

1. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông tại cơ sở phía Nam (BVS) (Mã ngành: 7520207) là 100 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 50 chỉ tiêu thi THPT, 20 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 20 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

2. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7520216) là 70 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 40 chỉ tiêu thi THPT, 10 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 10 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

2. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa tại cơ sở phía Nam (BVS) (Mã ngành: 7520216) là 85 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 45 chỉ tiêu thi THPT, 15 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 15 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

3. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện-điện tử tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7510301) là 215 gồm 25 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 120 chỉ tiêu thi THPT, 35 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 35 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

3. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện-điện tử tại cơ sở phía Nam (BVS) (Mã ngành: 7510301) là 90 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 45 chỉ tiêu thi THPT, 20 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 20 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

4. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Công nghệ thông tin tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7480201) là 540 gồm 60 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 300 chỉ tiêu thi THPT, 90 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 90 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

4. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Công nghệ thông tin tại cơ sở phía Nam (BVS) (Mã ngành: 7480201) là 180 gồm 15 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 90 chỉ tiêu thi THPT, 40 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 40 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

5. chỉ tiêu tuyển sinh ngành An toàn thông tin tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7480202) là 250 gồm 30 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 140 chỉ tiêu thi THPT, 40 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 40 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

5. chỉ tiêu tuyển sinh ngành An toàn thông tin tại cơ sở phía Nam (BVS) (Mã ngành: 7480202) là 80 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 40 chỉ tiêu thi THPT, 15 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 15 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

6. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Khoa học máy tính (định hướng Khoa học dữ liệu) tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7480101) là 125 gồm 15 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 70 chỉ tiêu thi THPT, 20 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 20 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

7. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (CT Kỹ thuật dữ liệu) tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7480102) là 90 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 50 chỉ tiêu thi THPT, 15 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 15 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

8. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Cử nhân Công nghệ thông tin (định hướng ứng dụng) tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7480201\_UDU) là 250 gồm 30 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 140 chỉ tiêu thi THPT, 40 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 40 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

9. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Công nghệ đa phương tiện tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7329001) là 215 gồm 25 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 120 chỉ tiêu thi THPT, 35 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 35 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

9. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Công nghệ đa phương tiện tại cơ sở phía Nam (BVS) (Mã ngành: 7329001) là 120 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 60 chỉ tiêu thi THPT, 25 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 25 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

10. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Truyền thông đa phương tiện tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7320104) là 125 gồm 15 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 70 chỉ tiêu thi THPT, 20 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 20 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

11. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Báo chí tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7320101) là 70 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 40 chỉ tiêu thi THPT, 10 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 10 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

12. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7340101) là 205 gồm 25 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 115 chỉ tiêu thi THPT, 35 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 35 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

12. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Quản trị kinh doanh tại cơ sở phía Nam (BVS) (Mã ngành: 7340101) là 100 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 50 chỉ tiêu thi THPT, 20 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 20 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

13. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Thương mại điện tử tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7340122) là 130 gồm 20 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 75 chỉ tiêu thi THPT, 20 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 20 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

14. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Marketing tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7340115) là 195 gồm 25 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 110 chỉ tiêu thi THPT, 30 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 30 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

14. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Marketing tại cơ sở phía Nam (BVS) (Mã ngành: 7340115) là 130 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 65 chỉ tiêu thi THPT, 30 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 30 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

15. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Kế toán tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7340301) là 110 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 60 chỉ tiêu thi THPT, 20 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 20 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

15. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Kế toán tại cơ sở phía Nam (BVS) (Mã ngành: 7340301) là 90 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 45 chỉ tiêu thi THPT, 20 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 20 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

16. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Công nghệ tài chính (Fintech) tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7340205) là 115 gồm 15 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 65 chỉ tiêu thi THPT, 20 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 20 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

17. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Công nghệ thông tin tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7480201\_CLC) là 250 gồm 30 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 140 chỉ tiêu thi THPT, 40 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 40 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

17. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Công nghệ thông tin tại cơ sở phía Nam (BVS) (Mã ngành: 7480201\_CLC) là 100 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 50 chỉ tiêu thi THPT, 20 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 20 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

18. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Marketing tại cơ sở phía Bắc (BVH) (Mã ngành: 7340115\_CLC) là 90 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 50 chỉ tiêu thi THPT, 15 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 15 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

18. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Marketing tại cơ sở phía Nam (BVS) (Mã ngành: 7340115\_CLC) là 35 gồm 5 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 20 chỉ tiêu thi THPT, 5 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 5 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

19. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Kế toán (chuẩn quốc tế ACCA) tại cơ sở phía Nam (BVS) (Mã ngành: 7340301\_CLC) là 90 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 50 chỉ tiêu thi THPT, 15 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 15 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

20. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Công nghệ Inernet vạn vật tại cơ sở phía Nam (BVS) (Mã ngành: 7520208) là 85 gồm 10 chỉ tiêu xét tuyển tài năng, 40 chỉ tiêu thi THPT, 20 chỉ tiêu xét tuyển kết hợp, 20 chỉ tiêu đánh giá năng lực, đánh giá tư duy.

Chỉ tiêu tuyển các Chương trình Liên kết quốc tế:

1. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Công nghệ thông tin liên kết quốc tế (Liên kết với Đại học La Trobe, Australia) (Mã ngành: 7480201\_LK): 15 chỉ tiêu

2. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Công nghệ tài chính liên kết quốc tế (Liên kết với Đại học Huddersfield, Vương quốc Anh) (Mã ngành: 7340205\_LK): 15 chỉ tiêu

3. chỉ tiêu tuyển sinh ngành Công nghệ đa phương liên kết quốc tế tiện (Liên kết với Đại học Canberra, Australia) (Mã ngành: 7329001\_LK): 15 chỉ tiêu

Các ngành, chương trình đào tạo trình độ dự kiến sẽ chuẩn bị tuyển sinh từ năm 2024 gồm có Thiết kế và Phát triển Game, Công nghệ thông tin Việt – Nhật, Quan hệ công chúng (sẽ có thông báo bổ sung dự kiến vào tháng 5/2024).

#### Ngưỡng đầu vào

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT: Học viện sẽ thông báo sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024;

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với Phương thức xét tuyển kết hợp: thí sinh có kết quả điểm trung bình chung học tập các năm học lớp 10, lớp 11, lớp 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (nếu chưa có kết quả năm học lớp 12) đạt từ 7,5 hoặc 8,0 trở lên và có hạnh kiểm Khá trở lên tùy theo từng loại đối tượng;

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy:

Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội năm 2024 từ 75 điểm trở lên.

Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh năm 2024 từ 600 điểm trở lên.

Thí sinh có điểm thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội năm 2024 từ 50 điểm trở lên.

Các điều kiện xét tuyển: theo quy định và lịch trình chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường

Học bổng, nguyên tắc xét tuyển, quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển.

##### Chính sách học bổng

###### Học bổng đặc biệt

năm 2024, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cấp 30 suất học bổng đặc biệt, giá trị mỗi suất học bổng tới 500 triệu đồng (gồm: học phí trong toàn thời gian học, chi phí ăn ở, kinh phí nghiên cứu khoa học, thực tập ở nước ngoài, kinh phí hỗ trợ từ doanh nghiệp đối tác và các hỗ trợ khác).

Đối tượng xét cấp học bổng đặc biệt là các thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn Toán, Lý và Tin học; thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT từ 29,0 điểm trở lên. Người được nhận học bổng đặc biệt phải đảm bảo điểm trung bình chung tích lũy năm học liên tục đạt từ loại Giỏi trở lên trong thời gian học tập.

###### Học bổng toàn phần

năm 2024, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cấp tối đa 50 suất học bổng toàn phần với giá trị học bổng tới 250 triệu đồng cho các thí sinh đạt giải Nhất trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW các môn Toán, Lý và Tin học.

###### Học bổng 100

Học bổng miễn 100% học phí trong năm học thứ nhất với tối đa 100 suất cho đối tượng là các thí sinh đạt trong kỳ thi học sinh giỏi quốc tế, quốc gia hoặc thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc TW

các môn Toán, Lý, Hóa và Tin học hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024;

###### Học bổng 50

Học bổng miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất với tối đa 300 suất cho đối tượng là các thí sinh đạt trong kỳ thi học sinh giỏi hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024;

Ngoài ra, sinh viên còn có nhiều cơ hội để được nhận các xuất học bổng của các doanh nghiệp hàng đầu như Samsung, VNPT, Mobifone, Viettel, FPT, AGR, ...

###### Học bổng khuyến khích

Học viện tiếp tục duy trì chính sách học bổng với tổng giá trị học bổng trung bình khoảng 8 tỷ đồng/năm cho các thí sinh đạt thành tích cao (đạt giải học sinh giỏi cấp quốc tế, cấp quốc gia, cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc TW) hoặc đạt kết quả cao trong kỳ thi tốt nghiệp THPT nhưng chưa đủ để nhận học bổng đặc biệt với 2 mức: mức 1 miễn 100% và mức 2 miễn 50% học phí trong năm học thứ nhất.

Ghi chú: Thí sinh chỉ được xét và cấp một Loại học bổng trong chính sách học bổng nêu trên; xét cấp học bổng thực hiện xét từ trên xuống cho đến hết số suất học bổng.

##### Nguyên tắc xét tuyển

###### Đối với Phương thức 1 – xét tuyển tài năng

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Thực hiện theo Quy chế và Kế hoạch của Bộ Giáo dục & Đào tạo, có thông báo riêng.

Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực (HSNL):

Thí sinh được đăng ký xét tuyển 02 nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một (01) nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

Xét tuyển theo ngành và theo Điểm hồ sơ năng lực (Điểm HSNL);

Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống cho đến hết chỉ tiêu;

Điểm HSNL = Điểm học lực + Điểm thành tích + Điểm ưu tiên (theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT). Trong đó,

Điểm HSNL được quy đổi theo thang điểm 100;

Điểm học lực chiếm 60% (tối đa 60 điểm);

Điểm thành tích chiếm 40% (tối đa 40 điểm);

Điểm ưu tiên thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và được quy đổi theo thang điểm 100 tương ứng.

Điểm học lực (ĐHL) được tính bằng tổng của ba (03) điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, lớp 11, lớp 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (nếu chưa có kết quả năm học lớp 12) của ba (03) môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi của ngành đã đăng ký xét tuyển, cụ thể:

ĐHL = [Điểm BQ môn 1 + Điểm BQ môn 2 + Điểm BQ môn 3]\*6/3

với Điểm BQ môn = [Điểm năm lớp 10 + Điểm năm lớp 11 + Điểm năm lớp 12]/3

Điểm thành tích được xác định cụ thể như sau:

Giải khuyến khích hsg quốc gia, điểm thành tích 40

Giải nhất hsg cấp tỉnh/thành phố trung ương, điểm thành tích 35

Giải nhì hsg cấp tỉnh/thành phố trung ương, điểm thành tích 30

Giải ba hsg cấp tỉnh/thành phố trung ương, điểm thành tích 25

Giải khuyến khích hsg cấp tỉnh/thành phố trung ương, điểm thành tích 20

Học sinh chuyên (không có giải), điểm thành tích 25

Ghi chú: Thí sinh chỉ được lựa chọn một (01) loại thành tích cao nhất.

Nếu xét tuyển không đủ chỉ tiêu thì số chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo phương thức khác;

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vẫn phải đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch chung (thí sinh xếp nguyện vọng đã đủ điều kiện trúng tuyển là nguyện vọng 1 khi đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống để được trúng tuyển chính thức vào Học viện);

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trên Hệ thống tuyển sinh và theo kế hoạch quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem là từ chối nhập học.

###### Đối với Phương thức 2 - xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024

Xét tuyển theo ngành và theo tổ hợp bài thi/môn thi xét tuyển;

Điểm trúng tuyển của các tổ hợp bài thi/môn thi trong cùng một ngành là bằng nhau

(không có điểm chênh lệch giữa các tổ hợp trong cùng một ngành);

Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống và đảm bảo chất lượng tuyển sinh;

Xét tuyển các nguyện vọng bình đẳng (không có điểm chênh lệch giữa các nguyện vọng trong cùng một ngành), nếu thí sinh không trúng tuyển nguyện vọng ở thứ tự ưu tiên thứ nhất (nguyện vọng 1) thì sẽ được tự động xét tuyển ở nguyện vọng ưu tiên thứ hai (nguyện vọng 2) và kế tiếp;

Thí sinh chỉ trúng tuyển vào 1 nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký, khi đã trúng tuyển ở nguyện vọng nào thì không được xét tuyển tiếp ở nguyện vọng sau;

Điểm trúng tuyển được tính theo thang điểm 10 trên tổng điểm tối đa của 3 môn thi trong tổ hợp xét tuyển là 30 điểm;

Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Học viện không sử dụng tiêu chí phụ riêng để xét tuyển;

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời gian quy định của Học viện. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem là từ chối nhập học.

Các điều kiện khác thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

###### Đối với Phương thức 3 - xét tuyển kết hợp

Thí sinh được đăng ký xét tuyển 02 nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một (01) nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

Xét tuyển theo ngành và theo kết quả học tập của năm học lớp 10, lớp 11, lớp 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (nếu chưa có kết quả năm học lớp 12) của các môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi của ngành đăng ký xét tuyển;

Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống cho đến hết chỉ tiêu;

Điểm trúng tuyển của các tổ hợp trong cùng một ngành là bằng nhau;

Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính bằng tổng của ba (03) điểm bình quân kết quả học tập ở năm học lớp 10, lớp 11, lớp 12 hoặc học kỳ 1 lớp 12 (nếu chưa có kết quả năm học lớp 12) của ba (03) môn học tương ứng với tổ hợp bài thi/môn thi đã đăng ký xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên như tại điểm c mục 1.8 (nếu có), cộng với điểm ưu tiên (nếu có), công thức tính điểm xét tuyển:

ĐXT = [Điểm bình quân môn 1 + Điểm bình quân môn 2 + Điểm bình quân môn 3]

+ Điểm ưu tiên (nếu có). Trong đó:

Điểm bình quân môn = [Điểm năm lớp 10 + Điểm năm lớp 11 + Điểm năm lớp 12]/3

Nếu xét tuyển kết hợp không đủ chỉ tiêu thì số chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo phương thức khác;

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vẫn phải đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch chung (thí sinh xếp nguyện vọng đã đủ điều kiện trúng tuyển là nguyện vọng 1 khi đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống để được trúng tuyển chính thức vào Học viện);

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trên Hệ thống tuyển sinh và theo kế hoạch quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem là từ chối nhập học.

###### Đối với Phương thức 4 - xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy

Thí sinh được đăng ký xét tuyển 02 nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất). Thí sinh chỉ trúng tuyển vào một (01) nguyện vọng ưu tiên cao nhất trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký;

Xét tuyển theo ngành và theo điểm xét tuyển đã quy đổi về thang điểm 30;

Xét trúng tuyển từ thí sinh có kết quả cao xuống cho đến hết chỉ tiêu;

Điểm trúng tuyển của các tổ hợp trong cùng một ngành là bằng nhau;

Điểm xét tuyển (ĐXT) được quy đổi về theo thang điểm 30 như sau, công thức tính điểm xét tuyển:

ĐXT theo kỳ thi đánh gia năng lực của Đại học quốc gia Hà Nội:

ĐXT = điểm ĐGNL \*30/150 + điểm ưu tiên (nếu có)

ĐXT theo kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh:

ĐXT = điểm ĐGNL \*30/1200 + điểm ưu tiên (nếu có)

ĐXT theo kỳ thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội:

ĐXT = điểm ĐGTD \*30/100 + điểm ưu tiên (nếu có)

Nếu xét tuyển theo phương thức dựa vào kết quả bài thi ĐGNL hoặc ĐGTD không đủ chỉ tiêu thì số chỉ tiêu còn lại được chuyển sang xét tuyển theo phương thức khác;

Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển vẫn phải đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo kế hoạch chung (thí sinh xếp nguyện vọng đã đủ điều kiện trúng tuyển là nguyện vọng 1 khi đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống để được trúng tuyển chính thức vào Học viện);

Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trên Hệ thống tuyển sinh và theo kế hoạch quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nếu quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem là từ chối nhập học.

Học viện không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ, không sử dụng điểm thi được bảo lưu để xét tuyển.

#### Chính sách ưu tiên

a) Học viện thực hiện tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Thông báo của Học viện, không giới hạn số lượng chỉ tiêu (có Thông báo riêng);

b) Chính sách ưu tiên về đối tượng, khu vực theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Trong đó, Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp (thí sinh tốt nghiệp năm 2024 và năm 2023).

c) Chính sách ưu tiên của Học viện đối với các phương thức xét tuyển sớm (xét tuyển kết hợp và xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy)

##### Quy đổi điểm Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

Đối với Phương thức xét tuyển kết hợp, thí sinh được phép quy đổi điểm môn tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển khi có Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế. Cụ thể:

###### Quy đổi điểm Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS

7.5 - 9.0 tương đương điểm quy đổi 10 điểm

7.0 tương đương điểm quy đổi 9.5 điểm

6.5 tương đương điểm quy đổi 9.0 điểm

6.0 tương đương điểm quy đổi 8.5 điểm

5.5 tương đương điểm quy đổi 8.0 điểm

###### Quy đổi điểm Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEFL iBT

Từ 102 điểm trở lên tương đương điểm quy đổi 10 điểm

90 - 101 tương đương điểm quy đổi 9.5 điểm

79 - 89 tương đương điểm quy đổi 9.0 điểm

72 – 78 tương đương điểm quy đổi 8.5 điểm

61 - 71 tương đương điểm quy đổi 8.0 điểm

###### Quy đổi điểm Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEFL ITP

Từ 627 điểm trở lên tương đương điểm quy đổi 10 điểm

590 - 626 tương đương điểm quy đổi 9.5 điểm

561 - 589 tương đương điểm quy đổi 9.0 điểm

543 - 560 tương đương điểm quy đổi 8.5 điểm

500 - 542 tương đương điểm quy đổi 8.0 điểm

##### Cộng Điểm thưởng cho thí sinh đạt giải

Cộng Điểm thưởng cho thí sinh đạt giải đối với Phương thức xét tuyển kết hợp và Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy, thí sinh được cộng Điểm thưởng theo thành tích giải đạt được vào Điểm xét tuyển. Cụ thể:

Cộng Điểm thưởng cho thí sinh đạt giải đối với giải Nhất hoặc Giải Khuyến khích cấp quốc gia sẽ được cộng 3.0 (ba) điểm.

Cộng Điểm thưởng cho thí sinh đạt giải đối với giải Nhì sẽ được cộng 2.5 (hai phẩy năm) điểm.

Cộng Điểm thưởng cho thí sinh đạt giải đối với giải Ba sẽ được cộng 2.0 (hai) điểm.

Cộng Điểm thưởng cho thí sinh đạt giải đối với giải Khuyến khích sẽ được cộng 1.5 (một phẩy năm) điểm.

##### Cách tính điểm ưu tiên

Điểm ưu tiên, Điểm thưởng (ưu tiên đối tượng và khu vực, điểm thưởng) gọi chung là Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức tính điểm ưu tiên sau:

Điểm ưu tiên = [(30 – Tổng điểm đạt được(\*))/7,5] x [Mức điểm ưu tiên theo quy định + Điểm thưởng]

(\*) Tổng điểm đạt được là điểm xét tuyển (không gồm điểm ưu tiên) tương ứng với từng phương thức xét tuyển (là kết quả thi tốt nghiệp THPT đối với PTXT dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT hoặc kết quả học tập THPT đối với PTXT kết hợp hoặc kết quả đánh giá năng lực, đánh giá tư duy sau quy đổi về thang điểm 30 đối với PTXT dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy).

#### 1.8. Ngành, mã ngành, tổ hợp xét tuyển

Ghi chú:

Tổ hợp A00: Toán, Vật lý, Hóa học;

Tổ hợp A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh;

Tổ hợp D01: Toán, Văn, Tiếng Anh.

Danh sách các ngành của học viện gồm 20 ngành sau:

1. ngành Công nghệ thông tin, mã ngành 7480201, tổ hợp xét tuyển A00, A01

2. ngành Cử nhân Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng, mã ngành 7480201\_UDU, tổ hợp xét tuyển A00, A01

3. ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (CT Kỹ thuật dữ liệu), mã ngành 7480102, tổ hợp xét tuyển A00, A01

4. ngành Khoa học máy tính (định hướng Khoa học dữ liệu), mã ngành 7480101, tổ hợp xét tuyển A00, A01

5. ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông, mã ngành 7520207, tổ hợp xét tuyển A00, A01

6. ngành Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử, mã ngành 7510301, tổ hợp xét tuyển A00, A01

7. ngành Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa, mã ngành 7520216, tổ hợp xét tuyển A00, A01

8. ngành Công nghệ Inernet vạn vật (IoT), mã ngành 7520208, tổ hợp xét tuyển A00, A01

9. ngành An toàn thông tin, mã ngành 7480202, tổ hợp xét tuyển A00, A01

10. ngành Công nghệ đa phương tiện, mã ngành 7329001, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

11. ngành Truyền thông đa phương tiện, mã ngành 7320104, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

12. ngành Báo chí, mã ngành 7320101, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

13. ngành Quản trị kinh doanh, mã ngành 7340101, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

14. ngành Thương mại điện tử, mã ngành 7340122, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

15. ngành Marketing, mã ngành 7340115, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

16. ngành Kế toán, mã ngành 7340301, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

17. ngành Công nghệ tài chính (Fintech), mã ngành 7340205, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

18. ngành Công nghệ thông tin\_CLC, mã ngành 7480201\_CLC, tổ hợp xét tuyển A00, A01

19. ngành Marketing\_CLC, mã ngành 7340115\_CLC, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

20. ngành Kế toán\_CLC (chuẩn quốc tế ACCA), mã ngành 7340301\_CLC, tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01

Danh sách các ngành tổ hợp xét tuyển A00, A01 gồm:

- Công nghệ thông tin

- Cử nhân Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng

- An toàn thông tin

- Khoa học máy tính (định hướng Khoa học dữ liệu)

- Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu (CT Kỹ thuật dữ liệu)

- Kỹ thuật Điện tử viễn thông

- Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa

- Công nghệ Kỹ thuật Điện

- điện tử

- Công nghệ Inernet vạn vật

Danh sách các ngành tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01 gồm:

- Công nghệ đa phương tiện

- Truyền thông đa phương tiện

- Báo chí

- Quản trị kinh doanh

- Thương mại điện tử

- Marketing

- Kế toán

- Công nghệ tài chính (Fintech)

- Marketing\_CLC

- Kế toán\_CLC (chuẩn quốc tế ACCA)

- Công nghệ thông tin\_CLC

#### Tổ chức tuyển sinh

Thời gian đăng ký, thời gian nhận hồ sơ, thời gian công bố kết quả xét tuyển. hình thức, điều kiện nhận hồ sơ dự tuyển/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển như sau:

a) Phương thức 1 – Xét tuyển tài năng

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển: Theo quy định và theo lịch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển dựa vào hồ sơ năng lực:

Thời gian đăng ký và nhận hồ sơ ĐKXT: Từ 15/04/2024 đến hết 20/05/2024;

Hình thức đăng ký xét tuyển và nộp hồ sơ: thí sinh khai hồ sơ, đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Cổng xét tuyển trực tuyến của Học viện tại địa chỉ https://xettuyen.ptit.edu.vn và nộp hồ sơ (gửi qua đường Bưu điện, không nhận hồ sơ trực tiếp) cho các Cơ sở đào tạo của Học viện;

Công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến cuối tháng 5/2024.

b) Phương thức 2 - Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024

Hình thức ĐKXT: Trực tuyến theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thời gian xét tuyển: Theo lịch xét tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Các điều kiện xét tuyển: Không tổ chức sơ tuyển

c) Phương thức 3, 4 - Xét tuyển kết hợp và xét tuyển dựa vào kết quả bài thi ĐGNL, ĐGTD

Thời gian đăng ký và nhận hồ sơ ĐKXT: Từ 15/04/2024 đến hết 25/05/2024;

Hình thức đăng ký xét tuyển và nộp hồ sơ: thí sinh khai hồ sơ, đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Cổng xét tuyển trực tuyến của Học viện tại địa chỉ https://xettuyen.ptit.edu.vn và nộp hồ sơ (gửi qua đường Bưu điện, không nhận hồ sơ trực tiếp) cho các Cơ sở đào tạo của Học viện;

Công bố kết quả xét tuyển: Dự kiến đầu tháng 6/2024.

#### Lệ phí xét tuyển

theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

#### Học phí dự kiến với sinh viên chính quy

- Học phí trình độ đại hệ chính quy chương trình đại trà năm học 2024-2025: trung bình từ khoảng 27 triệu đồng đến 34 triệu đồng/năm tùy theo từng ngành học.

- Học phí chương trình chất lượng cao trình độ đại học năm học 2024-2025: trung bình từ khoảng 39 triệu đồng đến 55 triệu đồng/năm tùy theo từng ngành học.

- Học phí chương trình Cử nhân Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng năm học 2024-2025: trung bình khoảng 35 triệu đồng đến 37 triệu đồng/năm

- Học phí chương trình liên kết quốc tế năm học 2024-2025: trung bình từ khoảng 49 triệu đồng đến 55,5 triệu đồng/năm tùy theo từng chương trình.

- Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm học: Mức học phí điều chỉnh theo lộ trình phù hợp tương xứng với chất lượng đào tạo và đảm bảo tỷ lệ tăng không quá 15%/năm (theo Nghị định 81/NĐ-CP của Chính phủ).

##### Học phí các ngành đào tạo của trường Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông 2023 (tính theo tín chỉ)

Học phí các ngành đào tạo của trường Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông 2023 tính theo tín chỉ

1. Học phí ngành Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng có học phí 900.000đ/1 tín chỉ

2. Học phí ngành Khoa học máy tính có học phí 665.000đ/1 tín chỉ

3. Học phí ngành Công nghệ thông tin có học phí 665.000đ/1 tín chỉ

4. Học phí ngành An toàn thông tin có học phí 665.000đ/1 tín chỉ

5. Học phí ngành Kỹ thuật Điện tử viễn thông có học phí 665.000đ/1 tín chỉ

6. Học phí ngành Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử có học phí 665.000đ/1 tín chỉ

7. Học phí ngành Công nghệ đa phương tiện có học phí 655.000đ/1 tín chỉ

8. Học phí ngành Truyền thông đa phương tiện có học phí 615.000đ/1 tín chỉ

9. Học phí ngành Marketing có học phí 615.000đ/1 tín chỉ

10. Học phí ngành Thương mại điện tử có học phí 615.000đ/1 tín chỉ

11. Học phí ngành Quản trị kinh doanh có học phí 615.000đ/1 tín chỉ

12. Học phí ngành Kế toán có học phí 615.000đ/1 tín chỉ

13. Học phí ngành Công nghệ thông tin hệ chất lượng cao có học phí 1.100.000đ/1 tín chỉ

14. Học phí ngành Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa có học phí 655.000đ/1 tín chỉ

15. Học phí ngành Công nghệ tài chính- Fintech có học phí 700.000đ/1 tín chỉ

16. Học phí ngành Kỹ thuật dữ liệu (Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu) có học phí 615.000đ/1 tín chỉ

17. Học phí ngành Báo chí có học phí 615.000đ/1 tín chỉ

18. Học phí ngành Công nghệ Internet vạn vật(IOT) có học phí 655.000đ/1 tín chỉ

19. Học phí ngành Công nghệ thông tin định hướng ứng dụng có học phí 900.000/1 tín chỉ

#### Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

Tuyển sinh đợt 1: Theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

Tuyển sinh bổ sung: sẽ có thông báo riêng trước 15 ngày thí sinh đăng ký xét tuyển.

#### 1.13. Các nội dung khác

##### 1.13.1. Chương trình chất lượng cao

Năm 2024, Học viện tuyển sinh 600 chỉ tiêu vào các chương trình chất lượng cao (chương trình chất lượng cao do Học viện tự xác định) với nội dung, chất lượng chương trình đào tạo có nhiều ưu việt, nhiều lợi thế đối với người học và với quy mô lớp nhỏ. Cụ thể gồm có các chương trình chất lượng cao: Công nghệ thông tin, Marketing số, Kế toán theo chuẩn quốc tế ACCA.

##### 1.13.2. Chương trình liên kết quốc tế

Năm 2024, Học viện triển khai tuyển sinh các chương trình liên kết quốc tế: (1) Chương trình liên kết quốc tế 2+2 cấp bằng Cử nhân Công nghệ thông tin của Đại học La Trobe (Úc); (2) Dự kiến tuyển sinh Chương trình liên kết quốc tế 3+1 hoặc 2+2 cấp bằng Cử nhân Đa Phương Tiện của Đại học Canberra (Úc); (3) Dự kiến tuyển sinh Chương trình liên kết quốc tế 3+1 hoặc 2+2 theo hình thức đơn bằng hoặc song bằng ngành Công nghệ tài chính với Đại học Hudderfield, Vương quốc Anh trong năm 2024; với nội dung chương trình đào tạo nhiều ưu việt, đồng thời có nhiều cơ hội việc làm và định cư ở nước ngoài sau tốt nghiệp (Thông tin chi tiết tại: https://cie.ptit.edu.vn, https://tuyensinh.ptit.edu.vn).

##### 1.13.3. Phân loại và xếp lớp học tiếng Anh

Sau khi nhập học, Học viện sẽ tổ chức kỳ kiểm tra phân loại đầu vào tiếng Anh để tiến hành xếp lớp theo trình độ tiếng Anh cho sinh viên nhằm đảm bảo sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiếng Anh sẽ đạt được chuẩn đầu ra tiếng Anh là TOEIC 450 điểm quốc tế (đối với hệ đại trà) và TOEFL iBT 70 điểm quốc tế (đối với các chương trình chất lượng cao).

##### 1.13.4. Thông tin trực hỗ trợ

Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy

Để thuận tiện cho các thí sinh trong quá trình làm hồ sơ và đăng ký xét tuyển vào Học viện, kể từ năm 2021, nhà trường đã đưa vào sử dụng Hệ thống đăng ký xét tuyển tại địa chỉ xettuyen.ptit.edu.vn. Trong năm 2024, năm thứ tư tổ chức cho các thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến, Học viện mở cổng đăng ký từ 0h ngày 15/4.

Những thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào các ngành, chương trình đào tạo đại học chính quy năm 2024 Học viện theo 3 phương thức gồm xét tuyển tài năng, xét tuyển kết hợp và xét tuyển dựa vào kết quả bài thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy cần đăng ký tài khoản sử dụng hệ thống.

Sau khi có tài khoản, thí sinh truy cập vào cổng đăng ký xét tuyển trực tuyến xettuyen.ptit.edu.vn để khai báo các thông tin cá nhân, kết quả và thành tích học tập, thực hiện đăng ký nguyện vọng xét tuyển, nộp hồ sơ xét tuyển trên hệ thống.

Với mục đích hỗ trợ thí sinh và phụ huynh có thể dễ dàng sử dụng Hệ thống đăng ký xét tuyển trực tuyến, Học viện đã xây dựng tài liệu hướng dẫn, đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ: ptit.edu.vn. Các thí sinh có thể truy cập vào website này để tải tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống.

###### a. Địa chỉ các trang thông tin điện tử của Học viện

Cơ sở đào tạo phía Bắc (BVH): https://ptit.edu.vn và https://tuyensinh.ptit.edu.vn Cơ sở đào tạo phía Nam (BVS): https://ptithcm.edu.vn

###### Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc

Cơ sở đào tạo phía Bắc (BVH): (024) 33528122, (024) 33512252 Cơ sở đào tạo phía Nam (BVS): (028) 38297220

###### Trang tư vấn trực tuyến

Trang tư vấn trực tuyến Inbox trên trang Fanpage tuyển sinh hoặc trên cổng thông tin tuyển sinh

###### Fanpage

Fanpage: https://facebook.com/ptittuyensinh; https://facebook.com/ptithcm.edu.vn

###### Zalo

Zalo: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (ID 1260203497642986925)

##### 1.13.5. Ký túc xá

Cơ sở phía Bắc có 200 chỗ cho sinh viên khóa mới, Cơ sở phía Nam có đầy đủ số chỗ cho sinh viên khóa mới.

#### 1.14. Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù

Thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực lĩnh vực Công nghệ thông tin trình độ đại học đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước

##### 1.14.1. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo trong lĩnh vực CNTT

Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo trong lĩnh vực CNTT của học viện:

1. doanh nghiệp hợp tác Học viện Công nghệ Shibaura (Nhật Bản), thời gian 2017-2028

2. doanh nghiệp hợp tác Viện JAIST Nhật Bản, thời gian 2020-2028

3. doanh nghiệp hợp tác ĐH Lille 1-Khoa học và Công nghệ (Pháp), thời gian 2020-2025

4. doanh nghiệp hợp tác ĐH Busan (Hàn Quốc), thời gian 2018-2023

5. doanh nghiệp hợp tác Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh quốc, thời gian 2018-2026

6. doanh nghiệp hợp tác Đại học La Trobe (Úc), thời gian 2020-2025

7. doanh nghiệp hợp tác ĐH Huddersfield (Vương quốc Anh), thời gian 2020-2025

8. doanh nghiệp hợp tác ĐH Aizu (Nhật Bản), thời gian 2021-2025

9. doanh nghiệp hợp tác Trung tâm Phát triển Tin học Nâng cao (CDAC- Ấn Độ), thời gian 2020 đến khi dự án kết thúc

10. doanh nghiệp hợp tác Viện NICT (Nhật Bản), thời gian 2021-2026

11. doanh nghiệp hợp tác Tập đoàn HCL (Ấn Độ), thời gian 2021-2024

12. doanh nghiệp hợp tác Viện Công nghệ Kyushu (KyuTech-Nhật Bản), thời gian 2021-2026

13. doanh nghiệp hợp tác Công ty Samsung Electronics Vietnam, thời gian 2022-2025

14. doanh nghiệp hợp tác ĐH Chung Ang (Hàn Quốc), thời gian 2023-2028

15. doanh nghiệp hợp tác ĐH Seoul Cyber (Hàn Quốc), thời gian 2023-2028

16. doanh nghiệp hợp tác ĐH Deakin (Australia), thời gian 2023-2028

17. doanh nghiệp hợp tác ĐH Western Sydney (Australia), thời gian 2023-2028

18. doanh nghiệp hợp tác Hội Trí thức và Chuyên gia Việt Nam tại Australia, thời gian 2023-2028

19. doanh nghiệp hợp tác Công ty Evo Labs (Singapore), thời gian 2023-2026

20. doanh nghiệp hợp tác Công ty People Dream (Hàn Quốc), thời gian 2023-2028

21. doanh nghiệp hợp tác ĐH Công nghệ Sydney (Australia), thời gian 2023-2028

22. doanh nghiệp hợp tác Tập đoàn Naver (Hàn Quốc), thời gian 2021-nay

23. doanh nghiệp hợp tác Tập đoàn Qualcomm (Hoa Kỳ), thời gian 2021-nay

##### 1.14.2. Các thông tin triển khai áp dụng cơ chế đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học (không trái các quy định hiện hành).

#### 1.15. Tài chính

Tổng nguồn thu hợp pháp/năm là 430.000.000.000 đồng

Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh là khoảng 27,5 triệu đồng/sinh viên/năm.

## TUYỂN SINH ĐÀO TẠO VỪA HỌC VỪA LÀM (Mẫu số 01)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của Học viện: https://tuyensinh.ptit.edu.vn.

## TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TỪ XA (Mẫu số 02)

Đường link công khai tuyển sinh đào tạo từ xa trên trang thông tin điện tử của Học viện: https://tuyensinh.ptit.edu.vn.

KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS.TS Trần Quang Anh